

CÔNG TY CỔ PHẦN ALIMAZON
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ALIMAZON

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ALIMAZON JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ALIMAZON.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107649076

3. Ngày thành lập: 30/11/2016

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0433502959 - 0983569889

Fax:

Email: alimazon.sho@gmail.com

Website: alimazon.shop

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
2.	Bốc xếp hàng hóa	5224
3.	Chuyển phát	5320
4.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
5.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
6.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
7.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
8.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
9.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
10.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
11.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
12.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
13.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
14.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
15.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
16.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
17.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
18.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
19.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
20.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312

21.	Hoạt động thể thao khác Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà tổ chức các sự kiện thể thao, có hoặc không có cơ sở; Hoạt động của các vận động viên và những người chơi thể thao bằng tài khoản sở hữu cá nhân, trọng tài, người bấm giờ .v.v; Hoạt động của các liên đoàn thể thao và các ban điều lệ; Hoạt động liên quan đến thúc đẩy các sự kiện thể thao Hoạt động của các chuồng nuôi ngựa đua, các chuồng nuôi chó và các gara ô tô; Hoạt động của các khu săn bắt và câu cá thể thao; Hoạt động hỗ trợ cho câu cá và săn bắn mang tính thể thao hoặc giải trí.	9319
22.	Sản xuất đường	1072
23.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
24.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
25.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
26.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
27.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
28.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác Sản xuất và gia công các sản phẩm vải len như: Vải nhung và vải bông, Lưới và đồ trang trí cửa sổ, vải đan trên máy Raschel và các máy tương tự; Các loại vải bằng đan móc khác, Sản xuất sản phẩm giả da lông thú từ việc may đan	1321
29.	Quảng cáo	7310
30.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
31.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
32.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
33.	Sản xuất giày dép	1520
34.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
35.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác	4530
36.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
37.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
38.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
39.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
40.	Chăn nuôi lợn	0145
41.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
42.	Trồng cây cao su	0125

43.	Trồng cây hàng năm khác Các hoạt động trồng cây thức ăn gia súc như: trồng ngô cây, trồng cỏ và qui hoạch, chăm sóc đồng cỏ tự nhiên: thả bèo nuôi lợn, trồng cây làm phân xanh	0119
44.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
45.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
46.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
47.	Đại lý, môi giới, đấu giá Đại lý	4610
48.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
49.	Cho thuê xe có động cơ	7710
50.	Trồng cây cà phê	0126
51.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v.; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí, Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; Nhóm này cũng gồm: Hoạt động của các nhà đạo diễn hoặc các nhà thầu khoán các sự kiện trình diễn trực tiếp nhưng không phải là các sự kiện nghệ thuật hoặc thể thao, có hoặc không có cơ sở.	9329
52.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
53.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
54.	Bán buôn thực phẩm	4632
55.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
56.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
57.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
58.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
59.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
60.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác Thu nhặt cánh kiến, nhựa cây thường, nhựa cây thơm; Thu nhặt hoa quả, rau hoang dại như trám, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; Thu nhặt các sản phẩm khác từ rừng như: nhặt xác động vật	0230
61.	Xây dựng công trình công ích	4220
62.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512

63.	Bán mô tô, xe máy	4541
64.	Trồng cây điều	0123
65.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
66.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
67.	Dịch vụ ăn uống khác - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể. Đồ ăn uống thường được chế biến tại địa điểm của đơn vị cung cấp dịch vụ, sau đó vận chuyển đến nơi cung cấp cho khách hàng; Cung cấp suất ăn theo hợp đồng, ví dụ cung cấp suất ăn cho các hãng hàng không, xí nghiệp vận tải hành khách đường sắt...; Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền	5629
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
69.	Vận tải hành khách đường bộ khác Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác; Hoạt động của cáp treo, đường sắt leo núi	4932
70.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
71.	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
72.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
73.	Hoạt động của các hội nghề nghiệp	9412
74.	Khai thác thủy sản biển	0311
75.	Sản xuất giống thủy sản	0323

76.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Sản xuất súp và nước xuýt; Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc Sản xuất giấm; Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza. Nhóm này cũng gồm: Sản xuất các loại trà được thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); Sản xuất men bia; Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; Sản xuất sữa tách bơ và bơ; Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo	1079
77.	Sản xuất rượu vang	1102
78.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
79.	Bán buôn tổng hợp	4690
80.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
81.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
82.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
83.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
84.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
85.	Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa	1702
86.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Bán buôn ô tô con	4511
87.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
88.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
89.	Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông	8531
90.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
91.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
92.	Thu gom rác thải độc hại	3812
93.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330

94.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh ; Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
95.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
96.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến ; Bán buôn xi măng ; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi ; Bán buôn kính xây dựng ; Bán buôn sơn, véc ni ; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh ; Bán buôn đồ ngũ kim ; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,...	4663
97.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
98.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Bán lẻ trong trung tâm thương mại, siêu thị	4791
99.	Trồng cây hồ tiêu	0124
100.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu Sản xuất giấy vệ sinh cá nhân và giấy dùng trong gia đình và sản phẩm chèn lót bằng xenlulo như: Giấy vệ sinh. Khăn ăn, giấy ăn, khăn lau, Băng vệ sinh và khăn lau vệ sinh, tã giấy cho trẻ sơ sinh, Cốc, chén đĩa, khay bằng giấy.	1709
101.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác Sản xuất bộ đồ ăn bằng sứ và các vật dụng khác trong nhà và nhà vệ sinh; Sản xuất các tượng nhỏ và các đồ trang trí bằng gốm khác; Sản xuất các sản phẩm cách điện và các đồ đặc có định trong nhà cách điện bằng gốm; Sản xuất các sản phẩm trong phòng thí nghiệm, hoá học và các sản phẩm công nghiệp; Sản xuất chai, lọ, bình và các vật dụng tương tự cùng một loại được sử dụng cho việc vận chuyển và đóng gói hàng hoá; Sản xuất đồ nội thất bằng gốm	2393
102.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
103.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
104.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103

105.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
106.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác, Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh, Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự, Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
107.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
108.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác Các hoạt động gieo trồng ngô và các loại cây lương thực khác như: Lúa mỳ, lúa mạch, cao lương, kê	0112
109.	Trồng cây mía	0114
110.	Trồng cây lấy sợi	0116
111.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu - Sản xuất các sản phẩm tấm dệt khổ hẹp, bao gồm các tấm dệt sợi ngang không có sợi dọc được ghép với nhau thông qua chất kết dính, - Sản xuất nhãn hiệu, băng rôn...	1329
112.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
113.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
114.	In ấn	1811
115.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
116.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
117.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
118.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
119.	Trồng cây chè	0127
120.	Cơ sở lưu trú khác	5590
121.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
122.	Trồng cây ăn quả	0121
123.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122

124.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : Thang máy, cầu thang tự động; Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
125.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
126.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác Khử độc các vùng đất và nước ngầm tại nơi bị ô nhiễm, ở vị trí hiện tại hoặc vị trí cũ, thông qua sử dụng các phương pháp cơ học, hoá học hoặc sinh học; Khử độc các nhà máy công nghiệp hoặc các khu công nghiệp, gồm cả nhà máy; Khử độc và làm sạch nước bề mặt tại các nơi bị ô nhiễm do tai nạn, ví dụ như thông qua việc thu gom chất gây ô nhiễm hoặc thông qua sử dụng các chất hoá học;	3900
127.	Chăn nuôi gia cầm	0146
128.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
129.	Giáo dục mầm non	8510
130.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu	0128
131.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác Sản xuất gỗ dán, bìa giấy đủ mỏng để sử dụng dán hoặc làm gỗ dán hoặc sử dụng cho các mục đích khác như: Tấm gỗ được làm nhẵn, nhuộm, phủ, thấm tẩm, tăng cường (có giấy hoặc vải lót sau), Làm dưới dạng rời, Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự, Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ, Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dùng để cách nhiệt bằng thủy tinh, Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng	1621
132.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
133.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
134.	Dịch vụ đóng gói	8292
135.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
136.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
137.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
138.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
139.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
140.	Phá dỡ	4311
141.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013

142.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
143.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
144.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
145.	Tái chế phế liệu	3830
146.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
147.	Khai thác gỗ	0221
148.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
149.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
150.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
151.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
152.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
153.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
154.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
155.	Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự	1074
156.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác + Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động, Bảo dưỡng thông thường, Sửa chữa thân xe, Sửa chữa các bộ phận của ô tô, Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, Sửa tấm chắn và cửa sổ, Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô, Sửa chữa, bơm vá săm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế, Xử lý chống gỉ, Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất; Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác: Sửa chữa phần cơ, phần điện, các bộ phận khác của xe có động cơ khác, Bảo dưỡng thông thường, Sửa chữa thân xe, Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn, Sửa chữa, bơm vá săm, lốp lắp đặt hoặc thay thế, Xử lý chống gỉ, Lắp đặt, thay phụ tùng và các bộ phận phụ trợ không thuộc công đoạn sản xuất	4520
157.	Bán buôn gạo	4631
158.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
159.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
160.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
161.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
162.	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện Doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 21.800.000.000 VNĐ
Mệnh giá cổ phần: 100.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:**8. Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN TRỌNG CHÍNH	Thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.850	7.085.000.000	32,500	111861815	
			Tổng số	70.850	7.085.000.000	32,500		
2	TRẦN VĂN NGUYỄN	Thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	76.300	7.630.000.000	35,000	0010790089 97	
			Tổng số	76.300	7.630.000.000	35,000		
3	TRẦN THỊ TÍNH	Thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	70.850	7.085.000.000	32,500	111758073	
			Tổng số	70.850	7.085.000.000	32,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN VĂN NGUYỄN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 14/04/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079008997

Ngày cấp: 23/11/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL và cư trú và DLQG về dân cư.*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Tân Phương, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội